

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 21-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hào

Bà Nguyễn Thị Hiên

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Minh Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Hoàng T** (tên gọi khác: B), sinh ngày 30 tháng 7 năm 1997, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 9, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình N (đã chết) và bà Hoàng Thị Mai H1, sinh năm 1971; có vợ: Lê Khánh L, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Họ và tên: **Đỗ Thành H** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 12 năm 1995, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 25, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H2,

sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Người bào chữa cho bị cáo (do Tòa án chỉ định):*

1. Ông Lê QT – Luật sư Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang là người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng T.

Địa chỉ: Số nhà 52, tổ 12, phố T, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Ông Hoàng HB – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang là người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thành H.

Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T1 (đã chết):* Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1943 (*là mẹ đẻ của bị hại*);

Nơi cư trú: Tổ 18, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1974 (*là chị gái của bị hại*);

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Hoàng Thị Mai H1, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Tổ 26, phường P, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Ông Đỗ Văn H2, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ 25, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ 25, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Người làm chứng*

1. Anh Lê Huy H4, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ 10, phường Y, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt.*

2. Ông Bùi Gia P1, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 24, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/02/2009, Vũ Hoàng T, trú tại tổ 9, phường T, huyện T; Đỗ Thành H, trú tại tổ 25, phường T, huyện T; Lê Huy H4, trú tại tổ 10, phường Y, huyện T đang bán hoa đào tết tại đường B thuộc tổ 7, phường T, huyện T (Khu vực Quảng trường N) thì anh Nguyễn Văn T1, trú tại tổ 18,

phường T, huyện T điều khiển xe mô tô chở anh Bùi Gia P1, trú tại tổ 01, phường T, huyện T đi qua. Do T ghét anh T1 từ trước vì cho rằng anh T1 hay rủ bố T là ông Vũ Đình N sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến bố T bị sốc ma túy chết, nên khi thấy anh T1 nhìn, T nói *“Nhìn cái đéo gì”* anh T1 dừng xe lại gần T nói *“B à, dạo này mày kinh nhỉ”* (B là tên gọi khác của T), T nói *“Làm sao”*, anh T1 nói *“Mày biết chú là ai không?”*; T nói *“Tao đéo cần biết mày là ai”*. Lúc này anh P1 xuống xe, còn anh T1 vẫn ngồi trên xe. Thấy to tiếng, H đứng lại gần sát T, lúc này T đưa tay trái túm cổ áo ngực của anh T1, anh T1 gạt tay T ra, T đồng thời dùng tay trái bám vào vai phải của H, rồi dùng chân phải đá một phát trúng mồm T1 khiến anh T1 ngã ngồi bệt xuống đường, xe mô tô của anh T1 đổ xuống đường. Anh T1 vùng dậy bỏ chạy, T đuổi theo giơ tay trái túm vào cổ áo phía sau của anh T1 giật lại và dùng tay phải tát mạnh vào mặt anh T1 làm anh T1 ngã ngửa ra đường. Sau đó T tiếp tục dùng chân trái đá vào sườn, vào mặt T1. Thấy T đánh anh T1, H lấy mũ bảo hiểm xe máy loại mũ nửa đầu, màu vàng – đen trên xe mô tô của anh T1 vụt hai phát vào vùng mặt bên trái của anh T1. Lúc này, có một số người đến can ngăn nên T và H không đánh anh T1 nữa. Anh T1 đứng dậy tay ôm mồm nói *“Đ. mẹ mai tao vào nhà mày nói chuyện, thằng ngáo đá tao không thèm chấp”*, T nói *“Cần đéo gì phải ngày mai, ngay đi. Mày bảo ai ngáo đá”* rồi T lao vào dùng chân phải đá một phát vào lưng, dùng tay đâm vào cổ, vào nách anh T1. Anh T1 bỏ chạy theo hướng về Trụ sở Hội đồng nhân dân được khoảng 50m thì T đuổi theo túm được vào cổ áo phía sau anh T1 kéo lại và đâm 01 phát vào mặt anh T1, H cũng lao vào dùng tay phải đâm liên tiếp hai phát vào vùng bụng, dùng chân phải đá 01 phát vào cẳng chân trái của anh T1 làm anh T1 ngã xuống đường. Lúc này có người hô to (Không xác định được ai) *“Công an đến”* H bỏ lên vỉa hè đứng, còn T tiếp tục dùng chân phải đá vào mạng sườn và mặt anh T1. Anh T1 ôm mặt nói *“Cho chú xin”* H đến can T rồi cả hai đi ra quán trà đá (khu vực gầm cầu N) uống nước. Anh T1 được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang cấp cứu, nhưng do thương tích nặng đã tử vong hồi 22 giờ cùng ngày.

- Biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể hồi 08 giờ 00 phút và 08 giờ 15 phút cùng ngày 04/02/2019 đối với Vũ Hoàng T và Lê Huy H4: Kết quả xét nghiệm: (+) dương tính với ma túy. Kết luận: Có chất ma túy trong cơ thể Vũ Hoàng T và Lê Huy H4.

- Bản Kết luận giám định số 210/GĐSH (PC09) ngày 19/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Dấu vết bám dính trên quần bò, có ký hiệu (A) là máu người, thuộc nhóm máu O; Máu của tử thi Nguyễn Văn T1, có ký hiệu (M1) thuộc nhóm máu A; máu của Vũ Hoàng T, có ký hiệu (M2) thuộc nhóm có ký hiệu máu O.

- Bản Kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số 10/GĐVTh19 ngày 22/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với tử thi Nguyễn Văn T1: Não và màng mềm: Chảy máu, tụ máu mềm, não phù; Tim: Xung huyết; Phổi: Xung huyết; Gan: Viêm gan mãn. Tế bào gan thoái hóa mỡ tạo thành các hốc sáng; Thận: Xung huyết.

- Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 47/TT19 ngày 28/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

+ Nguyên nhân chết của Nguyễn Văn T1: Chấn thương sọ não.

+ Cơ chế gây thương tích: Các vết sưng nề, bầm tím vùng mặt do lực tác động trực tiếp của vật tày. Chấn thương sọ não (chảy máu, tụ máu dưới màng cứng) do lực tác động đủ mạnh, đột ngột vào vùng đầu mặt gây ra. Thương tích xây sát da dưới cằm phải do chuyển động tịnh tiến của cẳng tay phải với bề mặt phẳng, kém nhẵn gây ra.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Vũ Hoàng T (tên gọi khác: B) và Đỗ Thành H về tội Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thành H:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Hoàng T (tên gọi khác: B) từ 16 năm đến 17 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/02/2019).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thành H từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/02/2019).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa người đại diện hợp pháp của bị hại (bà Đỗ Thị T2) và bị cáo Vũ Hoàng T, bị cáo Vũ Hoàng T phải bồi thường khoản tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Buộc các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền tổn thất về tinh thần cho người đại diện hợp pháp của bị hại - bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) bằng 80 tháng lương tối thiểu bằng số tiền là 119.200.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*),

trong đó, bị cáo Vũ Hoàng T bồi thường số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), bị cáo Đỗ Thành H phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường một khoản tiền cấp dưỡng một lần cho người đại diện hợp pháp của bị hại - Bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) ở mức hợp lý theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ.

Về án phí: các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng T trình bày luận cứ:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Thương từ 16 năm đến 17 năm tù là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đó là: bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả một phần; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 12 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thành H trình bày luận cứ:

Bị cáo có nhân thân tốt, đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đó là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả một phần, đại diện gia đình bị hại và chính quyền địa phương xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo H dưới khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là từ 09 năm đến 10 năm tù.

Các bị cáo Vũ Hoàng T, Đỗ Thành H nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Đại diện hợp pháp của bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm: Không nhất trí ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng T, không nhất trí mức đề nghị bù đắp tổn thất về tinh thần và đề nghị mức án đối với Vũ Hoàng T từ 16 năm đến 17 năm tù như đề nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại

là 100 tháng lương tối thiểu (149.000.000đ), đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Thành H.

Kiểm sát viên thực hiện việc đối đáp: Không nhất trí đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T, vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo Vũ Hoàng T, Đỗ Thành H nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Hoàng T, Đỗ Thành H tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng; căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định pháp y về mô bệnh học, về tử thi và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/02/2019, tại đường B thuộc tổ 7, phường T, huyện T (Khu vực Quảng trường N), Vũ Hoàng T trú tại tổ 9, phường T, huyện T có hành vi dùng tay, chân đá nhiều phát vào vùng đầu, mặt, sườn, nách, lưng và Đỗ Thành H trú tại tổ 25, phường T, huyện T có hành vi dùng tay chân và dùng mũ bảo hiểm (loại mũ nửa đầu) đánh vào vùng đầu, mặt, bụng, cẳng chân trái của anh Nguyễn Văn T1 trú tại tổ 18, phường T, huyện T. Hậu quả anh T1 tử vong do chấn thương sọ não.

[3] Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Hoàng T, Đỗ Thành H là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo đã đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình nhưng đã coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác. Các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý. Như vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo về tội Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của

pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian dài để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, xét tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau:

Bị cáo Vũ Hoàng T do ghét bị hại Nguyễn Văn T1 từ trước vì cho rằng bị hại T1 hay rủ bố T là ông Vũ Đình N sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến bố T bị sốc ma túy chết. Do vậy, bị cáo có hành vi dùng tay, chân đâm đá nhiều phát vào vùng đầu, mặt, sườn, nách, lưng của bị hại Nguyễn Văn T1, dẫn đến hậu quả bị hại Nguyễn Văn T1 chết. Bị cáo Vũ Hoàng T giữ vai trò chính trong vụ án, T có lời nói khiêu khích trước, lấy cơ rồi lao vào đánh bị hại, quyết tâm phạm tội đến cùng, do vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H.

Bị cáo Đỗ Thành H mặc dù không quen biết, không có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Văn T1 nhưng khi thấy Vũ Hoàng T đánh bị hại T1, H đã không khuyên bảo, can ngăn mà còn lao vào hỗ trợ T cùng đánh bị hại T1, dùng tay chân và dùng mũ bảo hiểm (loại mũ nửa đầu) đánh vào vùng mặt bên trái, bụng, cẳng chân trái của bị hại Nguyễn Văn T1, tham gia đánh bị hại, H cũng đã có thái độ can ngăn T, nên xem xét mức hình phạt của bị cáo H thấp hơn T. Hành vi của các bị cáo dẫn đến hậu quả bị hại Nguyễn Văn T1 chết.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H; bị cáo Đỗ Thành H có Giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bố bị cáo H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận nội dung giảm nhẹ là đúng, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Đỗ Thành H, do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với vai trò thứ yếu, sau đó cũng đã can ngăn T, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo dưới khung hình phạt cũng đủ dẫn dắt, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo Vũ Hoàng T, Đỗ Thành H mức án cao trong đề nghị của Viện kiểm sát mới phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đã tước đi tính mạng của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Hoàng T và người đại diện hợp pháp cho bị hại nhất trí thỏa thuận mức bồi thường khoản tiền mai táng phí còn lại cho Người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn), Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên, bị cáo Vũ Hoàng T phải bồi thường tiếp khoản tiền mai táng phí cho Người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn). Tại giai đoạn điều tra, bị cáo T đã nhờ gia đình bồi thường cho Người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) khoản tiền mai táng phí là 20.000.000đ; bị cáo Hưng nhờ gia đình bồi thường cho Người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) khoản tiền mai táng phí là 40.000.000đ. *(Đại diện hợp pháp của bị hại và các bị cáo thỏa thuận khoản tiền mai táng phí là 80.000.000đ).*

Đối với các khoản bồi thường tổn thất về tinh thần và khoản tiền cấp dưỡng một lần cho người đại diện hợp pháp của bị hại - bà Đỗ Thị T2 không thỏa thuận được, cần căn cứ quy định của pháp luật để buộc các bị cáo bồi thường. Mức bồi thường tổn thất về tinh thần do đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu ở mức tối đa là 100 tháng lương tối thiểu (149.000.000đ). Bị hại là người có dương tính với chất ma túy, bị hại không phải là người con duy nhất, vợ đã ly hôn, có 01 con gái theo mẹ, vợ cũ và con của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì, nên cần chấp nhận một phần đề nghị của đại diện hợp pháp của bị hại, chấp nhận mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là 80 tháng lương tối thiểu là phù hợp. Buộc các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền tổn thất về tinh thần cho người đại diện hợp pháp của bị hại - bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) là 119.200.000đồng *(Một trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng)*, trong đó, bị cáo Vũ Hoàng T bồi thường số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), bị cáo Đỗ Thành H phải bồi thường số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khoản tiền cấp dưỡng cho mẹ của bị hại đã già yếu (Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1943), bà T2 nghỉ mất sức, hiện có phụ cấp hàng tháng là 1.120.000đ, bị

hại lúc còn sống làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Do vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại, buộc các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền cấp dưỡng một lần cho bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), trong đó, bị cáo Vũ Hoàng T bồi thường số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Đỗ Thành H bồi thường số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Tổng cộng, bị cáo Vũ Hoàng T phải có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại - Bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) số tiền là 94.600.000đ (Chín mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng). Bị cáo Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại - Bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) số tiền là 74.600.000đ (Bảy mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Mai H1 không đề nghị bị cáo Vũ Hoàng T phải hoàn trả lại số tiền bà đã bồi thường cho gia đình bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H2, bà Nguyễn Thị P không đề nghị bị cáo Đỗ Thành H phải hoàn trả lại số tiền ông bà đã bồi thường cho gia đình bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (một) quần bò màu xanh bạc, đã cũ, bẩn. Hai ống quần phía trước có nhiều vết rách. Cạp quần có in dòng chữ “DOLCE & GABBANA MADE IN ITALYA”;

- 01 (một) áo rét màu đen, phía trước ngực áo và lưng áo có nhiều họa tiết hao văn (phía trước ngực phải của áo có in dòng chữ “AVIREXAIR PATROL UNIT”; phía lưng áo có in dòng chữ “AVIREXAIR PATROL...”);

- 01 (một) đôi giày da màu đen, loại giày có dây buộc. Bên trong hai miếng lót giày có in dòng chữ “Dr. Air Wair Martens”;

- 01 (một) áo rét màu đen, mặt trong áo rét có dòng chữ “DCLOE & GABBAMA MILANO ITALYA”;

- 01 (một) đôi giày vải màu đen trắng, trên hai chiếc giày có in hình con cá sấu và có in dòng chữ “LACOSTE”;

- 01 (một) mũ bảo hiểm kiểu nửa đầu, không kính, vỏ ngoài bằng nhựa cứng sơn màu vàng – đen trên bề mặt có in dòng chữ “BIG - 1” ở phía trước và dòng chữ “NEW YORK” màu xanh - đỏ ở phía sau. Bên trong có lõi xốp cứng và vải màu đen. Mũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo phông dài tay màu xanh;

- 01 (một) quần bò sáng màu đã cũ, bẩn. Tại vị trí cạp quần có in dòng chữ “LEVISTRAUSS&CO”. Tại vị trí mép túi quần phía trước bên phải, trái và ống quần phía trước bên phải, trái có dấu vết màu nâu đỏ;

- 01 (một) quần bò màu đen, quần đã cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) đôi giày màu đen (giày thể thao), ký hiệu “XDR” in ở mặt dưới đế giày, hoa văn đỏ - xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Mẫu máu của tử thi Nguyễn Văn T1 (M1)”, tại mép dán mặt sau có 3 hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Mẫu máu của Vũ Hoàng T (M2)”, tại mép dán mặt sau có 3 hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que thử ma túy của Đỗ Thành H”, tại mép dán mặt sau có 04 chữ ký của Đỗ Thành H;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que thử ma túy của Vũ Hoàng T”, tại mép dán mặt sau có 04 chữ ký của Vũ Hoàng T;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que xét nghiệm tiền chất ma túy của Lê Huy H4, SN 1997, trú tại tổ 10, phường Y, huyện T, tỉnh Tuyên Quang”, tại mép dán mặt sau có 03 chữ ký của Lê Huy H4;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que thử ma túy của tử thi Nguyễn Văn T1”, tại mép dán mặt sau có 01 chữ ký của Nguyễn Thị H3;

Xét những đồ vật trên không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Hoàng T và Lê Huy H4. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về án phí: Các bị cáo Vũ Hoàng T, Đỗ Thành H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[13] Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thành H:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Hoàng T (tên gọi khác: B) và Đỗ Thành H phạm tội “Giết người”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Hoàng T (tên gọi khác: B) 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 04/02/2019).

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thành H 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 04/02/2019).

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) và bị cáo Vũ Hoàng T, bị cáo Vũ Hoàng T phải bồi thường tiếp khoản tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Đỗ Thị T2) là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Buộc các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho người đại diện hợp pháp của bị hại - bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) số tiền là 119.200.000đ (*Một trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó, bị cáo Vũ Hoàng T bồi thường số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), bị cáo Đỗ Thành H phải bồi thường số tiền 59.600.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Vũ Hoàng T và Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền cấp dưỡng một lần cho người đại diện hợp pháp của bị hại - Bà Đỗ Thị T2 (mẹ đẻ của bị hại) số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), trong đó: bị cáo Vũ Hoàng T bồi thường số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Đỗ Thành H bồi thường số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Tổng cộng, bị cáo Vũ Hoàng T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 94.600.000đ (Chín mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng). Bị cáo Đỗ Thành H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 74.600.000đ (Bảy mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khoản tiền bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thi hành thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) quần bò màu xanh bạc, đã cũ, bẩn. Hai ống quần phía trước có nhiều vết rách. Cạp quần có in dòng chữ “DOLCE & GABBANA MADE IN ITALYA”;

- 01 (một) áo rét màu đen, phía trước ngực áo và lưng áo có nhiều họa tiết hao vắn (phía trước ngực phải của áo có in dòng chữ “AVIREXAIR PATROL UNIT”; phía lưng áo có in dòng chữ “AVIREXAIR PATROL...”);

- 01 (một) đôi giày da màu đen, loại giày có dây buộc. Bên trong hai miếng lót giày có in dòng chữ “Dr. Air Wair Martens”;

- 01 (một) áo rét màu đen, mặt trong áo rét có dòng chữ “DCLOE & GABBAMA MILANO ITALYA”;

- 01 (một) đôi giày vải màu đen trắng, trên hai chiếc giày có in hình con cá sấu và có in dòng chữ “LACOSTE”;

- 01 (một) mũ bảo hiểm kiểu nửa đầu, không kính, vỏ ngoài bằng nhựa cứng sơn màu vàng – đen trên bề mặt có in dòng chữ “BIG - 1” ở phía trước và dòng chữ “NEW YORK” màu xanh - đỏ ở phía sau. Bên trong có lõi xốp cứng và vải màu đen. Mũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo phông dài tay màu xanh;

- 01 (một) quần bò sáng màu đã cũ, bẩn. Tại vị trí cạp quần có in dòng chữ “LEVISTRAUSS&CO”. Tại vị trí mép túi quần phía trước bên phải, trái và ống quần phía trước bên phải, trái có dấu vết màu nâu đỏ;

- 01 (một) quần bò màu đen, quần đã cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) đôi giày màu đen (giày thể thao), ký hiệu “XDR” in ở mặt dưới đế giày, hoa văn đỏ - xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Mẫu máu của tử thi Nguyễn Văn T1 (M1)”, tại mép dán mặt sau có 3 hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Mẫu máu của Vũ Hoàng T (M2)”, tại mép dán mặt sau có 3 hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que thử ma túy của Đỗ Thành H”, tại mép dán mặt sau có 04 chữ ký của Đỗ Thành H;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que thử ma túy của Vũ Hoàng T”, tại mép dán mặt sau có 04 chữ ký của Vũ Hoàng T;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que xét nghiệm tiền chất ma túy của Lê Huy H4, SN 1997, trú tại tổ 10, phường Y, huyện T, tỉnh Tuyên Quang”, tại mép dán mặt sau có 03 chữ ký của Lê Huy H4;

- 01 (một) bì niêm phong mặt trước ghi “Que thử ma túy của tử thi Nguyễn Văn T1”, tại mép dán mặt sau có 01 chữ ký của Nguyễn Thị H;

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 17/6/2019).

4. *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Vũ Hoàng T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng và 3.980.000 đồng (*Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 4.480.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

Bị cáo Đỗ Thành H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng và 2.980.000 đồng (*Hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 3.480.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT+Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ma Hồng Thắng